

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ CÚ
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2019/HS-ST
Ngày 03 - 12 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ CÚ, TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Thạch Thuônê.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Chiến.
2. Bà Ngô Thị Oanh Kiều.

- Thư ký phiên tòa: Bà Kim Thị Bô Na - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Cú.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Thành Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 58/2019/HSST, ngày 17 tháng 10 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2019/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2019 đối với bị cáo:

Cao Thanh P, sinh năm 1992; tại huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Nơi cư trú: Ấp C, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Cao Văn T và bà Võ Thị P; có vợ là Thạch Thị L và 02 người con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 28/9/2012 bị Tòa án quân sự Quân khu 9 xử phạt 18 tháng tù về tội trộm cắp tài sản đã được xóa án tích; bị khởi tố và tạm giữ từ ngày 30/7/2019 đến ngày 02/8/2019 chuyển tạm giam cho đến nay (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- Bị hại: Ông Nguyễn Út H, sinh năm 1992 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp X, xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Bùi Hồng P, sinh năm 1966 (có mặt);
2. Bà Huỳnh Thị Ngọc T, sinh năm 1978;

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

(bà Huỳnh Thị Ngọc T ủy quyền tham gia tố tụng cho ông Bùi Hồng P, theo văn bản ủy quyền ngày 29/11/2019).

3. Ông Cao Văn T, sinh năm 1966 (có mặt);

Đại chỉ: Ấp X, xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 14/10/2018, bị cáo P có hỏi mượn ông H 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, màu xanh - trắng, biển số: 84G1- 506.10 để làm phương tiện đi lại trong vài ngày. Do quen biết, tin tưởng nên ông H đã đồng ý và giao xe mô tô nêu trên cho bị cáo P mượn. Sau khi mượn được xe, do không có tiền trả nợ, tiêu xài cá nhân nên bị cáo đã nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô này để mang đi cầm cố lấy tiền trả nợ, tiêu xài cá nhân.

Sau đó, bị cáo P lên mạng Internet đặt mua của một người không rõ tên, địa chỉ một giấy đăng ký xe mô tô giả với giá 900.000 đồng. Sau khi có được giấy đăng ký xe mô tô giả, khoảng 12 giờ ngày 26/10/2018, bị cáo P điều khiển xe mô tô của ông H đến Cơ sở kinh doanh dịch vụ cầm đồ Ngọc T do bà Huỳnh Thị Ngọc T làm chủ để cầm cố. Khi thực hiện giao dịch với bà T, bị cáo P cung cấp 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 038861, tên chủ xe Cao Thanh P, biển số đăng ký: 84G1- 506.10 do Công an huyện Trà Cú cấp vào ngày 18/10/2018; 01 bản phô tô Giấy chứng minh nhân dân số 334778899 tên Cao Thanh P, sinh năm 1992 do Công an tỉnh Trà Vinh cấp ngày 13/8/2015 và 01 Giấy phép lái xe số 840115004142-B2. Qua kiểm tra các loại giấy tờ trên, bà T thấy phù hợp nên đã đồng ý giao kết hợp đồng cầm cố tài sản là chiếc xe mô tô nêu trên với bị cáo P bằng số tiền 23.000.000 đồng trong thời hạn 30 ngày. Sau khi cầm được xe và nhận tiền, P trả nợ, tiêu xài cá nhân hết số tiền trên.

Đến ngày 29/10/2018, bị cáo đến Cơ sở cầm đồ của bà T xin nhận lại Giấy phép lái xe số 840115004142-B2 và được bà T đồng ý. Sau thời gian 30 ngày, kể từ ngày giao kết hợp đồng cầm cố, bị cáo P không đến chuộc lại chiếc xe nêu trên để trả cho ông H và bỏ trốn khỏi địa phương. Qua nhiều ngày không thấy bị cáo P đem xe đến trả, ông H đi tìm kiếm và nhiều lần gọi điện thoại cho bị cáo P nhưng không liên lạc được. Ông H nghi ngờ bị cáo P đem xe mô tô của mình đi cầm cố cho người khác nên đến các cơ sở cầm đồ trên địa bàn huyện Trà Cú để hỏi thì phát hiện chiếc xe của mình đang ở tại Cơ sở dịch vụ cầm đồ Ngọc T và được biết chiếc xe nêu trên là do bị cáo P mang đến cầm cố. Ngày 21/01/2019, ông H đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trà Cú tố giác hành vi của bị cáo P.

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số: 33 ngày 01/3/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự của huyện Trà Cú kết luận: 01 (một) chiếc xe mô tô, nhãn hiệu YAMAHA, số loại EXCITER, màu - xanh trắng, biển số: 84G1-506.10, số khung RLCE55P10DY266157, số máy 55P12661174 có giá trị 25.000.000 đồng.

Căn cứ Bản kết luận giám định số: 106 ngày 19/4/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Trà Vinh kết luận: Chữ ký, chữ viết mang tên Cao Thanh P trên hợp đồng cầm cố tài sản, ngày 26/10/2018 so với chữ ký, chữ viết của Cao Thanh P trên tài liệu cần giám định do cùng một người ký, viết ra.

Tại Bản cáo trạng số 58/CT-VKSHS ngày 17 tháng 10 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh truy tố bị cáo Cao Thanh P

về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 (sau đây được gọi tắt là Bộ luật Hình sự năm 2015).

Tại phiên tòa bị cáo P cho rằng cáo trạng truy tố đúng với hành vi của bị cáo, bị cáo không có ý kiến bổ sung gì về nội dung bản cáo trạng và đã khai nhận như sau: Bị cáo và bị hại Nguyễn Út H là bạn bè quen biết từ thời học phổ thông. Vào ngày 14/10/2018, bị cáo có mượn chiếc xe mô tô hiệu Yamaha, màu xanh - trắng, biển số: 84G1- 506.10 của của bị hại H để làm phương tiện đi lại. Sau khi mượn được xe do bị cáo làm ăn thất bại, không có tiền trả nợ nên bị cáo nảy sinh ý định lấy xe của ông H cầm cố để lấy tiền trả nợ. Sau đó, bị cáo lên mạng Internet đặt mua một giấy đăng ký xe mô tô giả để bị cáo được đứng tên sở hữu chiếc xe với giá 900.000 đồng. Khi nhận được giấy đăng ký xe mô tô giả, ngày 26/10/2018, bị cáo đem xe của ông H đến tiệm cầm đồ Ngọc T để cầm cố. Khi đến cầm cố bị cáo có đưa ra 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy giả mà bị cáo đặt mua trước đó; 01 bản phô tô Giấy chứng minh nhân dân và 01 Giấy phép lái xe -B2 của bị cáo. Chủ tiệm kiểm tra thấy hợp lệ nên đồng ý nhận cầm cố chiếc xe nêu trên với giá 23.000.000 đồng, thời hạn cầm là 30 ngày, khi có tiền bị cáo trả nợ, tiêu xài cá nhân hết số tiền trên. Sau đó, bị cáo đổi số điện thoại và đi Campuchia làm thuê, đến ngày 30/7/2019 bị cáo về thăm nhà thì bị bắt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Bùi Hồng P, đồng thời được người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Huỳnh Thị Ngọc T ủy quyền yêu cầu bị cáo trả số tiền còn lại là 20.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Cao Văn T không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 3.000.000 đồng mà ông đã bỏ ra khắc phục thiệt hại cho ông P, bà T.

Quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng. Sau khi phân tích các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh luận tại phiên tòa cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo cụ thể trong quá trình điều tra bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tác động gia đình khắc phục một phần thiệt hại, không có tiền án, tiền sự, Từ đó, Vị đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Cao Thanh P phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015; đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, đề nghị xử phạt bị cáo Cao Thanh P từ 01 (một) năm đến 02 (hai) năm tù; về trách nhiệm dân sự quá trình điều tra bị hại đã nhận lại chiếc xe, không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét; đối với ông Bùi Hồng P và bà Huỳnh Thị Ngọc T yêu cầu bị cáo trả số tiền còn lại bằng 20.000.000 đồng, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo cũng đồng ý nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận; về vật chứng đề nghị tịch thu lưu hồ sơ 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 038861, tên chủ xe Cao Thanh P, biển số đăng ký: 84G1-506.10 do Công an huyện Trà Cú cấp vào ngày 18/10/2018; 01 bản phô tô Giấy chứng minh nhân dân số 334778899 tên Cao Thanh P, sinh năm 1992 do Công

an tỉnh Trà Vinh cấp ngày 13/8/2015. Đối với chiếc xe mô tô, nhãn hiệu YAMAHA, số loại EXCITER, màu - xanh trắng, biển số: 84G1-506.10, số khung RLCE55P10DY266157, số máy 55P12661174 thì cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại ông Nguyễn Út H là chủ sở hữu chiếc xe xong nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét. Ngoài ra, Vị đại diện Viện Kiểm sát còn đề nghị buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Tại phần tranh luận bị cáo P không có ý kiến tranh luận với quan điểm luận tội của Kiểm sát viên.

Ông Bùi Hồng P đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hưởng mức án thấp nhất.

Ông Cao Văn T đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại lời nói sau cùng bị cáo nhận thấy hành vi phạm tội của mình là sai, bị cáo rất hối hận về hành vi của mình, bị cáo gửi lời xin lỗi đến bị hại, bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm được trở về lo cho vợ, con và làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung Cáo trạng đã mô tả, lời khai của bị cáo là khách quan, phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Vào ngày 14/10/2018, tại ấp Xa Xi, xã Ngải Xuyên, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh, do có quen biết nên bị cáo Cao Thanh P được bị hại Nguyễn Út H cho mượn chiếc xe mô tô hiệu YAMAHA biển số: 84G1-506.10. Sau khi mượn được xe thì bị cáo bị đổ nợ nên đã nảy sinh ý định và thực hiện hành vi chiếm đoạt chiếc xe trên bằng cách lên mạng Internet đặt mua một giấy đăng ký xe mô tô giả mang tên của bị cáo để đem cầm cố chiếc xe, lấy tiền trả nợ và tiêu xài, đồng thời bỏ trốn không trả lại xe cho anh H. Theo Bản kết luận định giá tài sản số: 33 ngày 01/3/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự của huyện Trà Cú thì chiếc xe mô tô, nhãn hiệu YAMAHA, số loại EXCITER, màu - xanh trắng, biển số: 84G1-506.10, số khung RLCE55P10DY266157, số máy 55P12661174 có giá trị 25.000.000 đồng. Do đó, hành vi của bị cáo đã đầy đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” tội danh và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015. Như vậy, Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh và kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Về tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội: Xét thấy, bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã bỏ trốn gây khó khăn trong quá trình điều tra, bị cáo nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là trái pháp luật, vì trước đây (năm 2012) bị cáo đã từng bị kết án về tội trộm cắp

tài sản. Từ đó, thể hiện tính xem thường pháp luật, xem thường quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, gây mất an ninh, trật tự tại địa phương. Do đó, Hội đồng xét xử cần phải xét xử bị cáo một mức án nghiêm phù hợp với tính chất, mức độ hành vi của bị cáo và cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới đảm bảo cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội. Có như vậy mới đáp ứng được công tác phòng chống tội phạm trong giai đoạn hiện nay.

[3] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt đối với bị cáo: Xét thấy, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình; sau khi phạm tội bị cáo đã tác động gia đình khắc phục hậu quả được số tiền 3.000.000 đồng với tỷ lệ là 13%; không có tiền án, tiền sự; không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 để cho bị cáo thấy được tính khoan hồng của pháp luật mà an tâm cải tạo tốt, phấn đấu trở thành người có ích cho gia đình và xã hội.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra bị hại ông Nguyễn Út H đã nhận lại chiếc xe biển số: 84G1-506.10, không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét; đối với bà Huỳnh Thị Ngọc T và ông Bùi Hồng P yêu cầu bị cáo P trả số tiền còn lại là 20.000.000 đồng thì bị cáo P đồng ý. Xét đây là sự tự nguyện của bị cáo nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về vật chứng: Đối với chiếc xe mô tô, nhãn hiệu YAMAHA, số loại EXCITER, màu - xanh trắng, biển số: 84G1-506.10, số khung RLCE55P10DY266157, số máy 55P12661174, cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là ông Nguyễn Út H xong nên không đặt ra xem xét giải quyết. Riêng đối với 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 038861, tên chủ xe Cao Thanh P, biển số đăng ký: 84G1- 506.10 do Công an huyện Trà Cú cấp vào ngày 18/10/2018; 01 bản photo Giấy chứng minh nhân dân số 334778899 tên Cao Thanh P, sinh năm 1992 do Công an tỉnh Trà Vinh cấp ngày 13/8/2015 là những tài liệu liên quan đến hành vi phạm tội nên tịch thu lưu hồ sơ vụ án.

[6] Xét quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát về tội danh, mức hình phạt và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Đồng thời, bị cáo là người có nghĩa vụ trả lại số tiền 20.000.000 đồng cho ông P và bà T nên bị cáo phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[8] Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thẩm tra các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, thấy rằng các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đều đúng

quy định của pháp luật, bị cáo và các đương sự không có khiếu nại hoặc có ý kiến nào khác phản đối nên các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Cao Thanh P phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 175, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38 và Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; các Điều 106, Điều 326, Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 23, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử phạt bị cáo Cao Thanh P 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 30/7/2019.

Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Cao Thanh P đồng ý trả số tiền 20.000.000 đồng cho bà Huỳnh Thị Ngọc T và ông Bùi Hồng P.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về vật chứng: Tịch thu lưu hồ sơ vụ án 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 038861, tên chủ xe Cao Thanh P, biển số đăng ký: 84G1- 506.10 do Công an huyện Trà Cú cấp vào ngày 18/10/2018; 01 bản phô tô Giấy chứng minh nhân dân số 334778899 tên Cao Thanh P, sinh năm 1992 do Công an tỉnh Trà Vinh cấp ngày 13/8/2015.

Về án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Cao Thanh P phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 1.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a,

7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TA tỉnh Tràø Vinh;
- Sở Tư pháp tænh Tràø Vinh;
- VKSND tænh Tràø Vinh;
- VKSND huyện Tràø Cùu;
- Chi cục THADS huyện Tràø Cùu;
- Công an huyện Tràø Cùu;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA,VT.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thạch Thuôn